

Số : 1594/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ
dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về điều chỉnh một số nội dung và giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 38/2004/QH11;

Căn cứ Quyết định số 356/2013/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch tổng thể đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 15/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 03/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ (QCVN43:2012/BGTVT);

Căn cứ Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3029/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao nhiệm vụ lập Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 1459/ĐHCM-TTr ngày 12/8/2013 và văn bản số 2746/ĐHCM-KTDA ngày 20/12/2013, văn bản số 600/ĐHCM-KTDA ngày 17/03/2014 của Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư, kèm theo Báo cáo thẩm định số 502/KHĐT ngày 26/4/2014.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

Quan điểm phát triển quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh tuân thủ theo các quan điểm phát triển quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013.

2. Mục tiêu phát triển

Xây dựng hệ thống trạm dừng nghỉ khang trang, hiện đại, theo quy chuẩn kỹ thuật, phù hợp với phương án phân kỳ đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu dừng nghỉ của lái xe, hành khách và phương tiện tham gia giao thông, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác đường Hồ Chí Minh cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa phương và tăng cường đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.

3. Nội dung quy hoạch

3.1. Phạm vi quy hoạch

Hệ thống trạm dừng nghỉ trên tuyến chính đường Hồ Chí Minh sẽ xây dựng tại các tỉnh, thành phố có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua, từ Pác Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau): Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Nội, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau.

3.2. Tiêu chí phân bố trạm dừng nghỉ:

Thực hiện theo Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

3.3. Danh mục và quy mô quy hoạch của hệ thống trạm dừng nghỉ trên tuyến đường Hồ Chí Minh

Tổng số trạm dừng nghỉ trên tuyến đường Hồ Chí Minh được quy hoạch 57 trạm với tổng diện tích khoảng 326 ha. (Có phụ lục chi tiết về quy mô và vị trí kèm theo)

3.4 Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2014 - 2020: Ưu tiên đầu tư, xây dựng từ 10 ÷ 20 trạm dừng nghỉ tại các khu vực có mật độ giao thông lớn, xa đô thị lớn.

- Giai đoạn 2021 - 2030: Phát triển hệ thống trạm dừng nghỉ trên toàn tuyến đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo các tiêu chuẩn phục vụ cho phương tiện và người tham gia giao thông đáp ứng nhu cầu phát triển vận tải trên tuyến.

4. Cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư

Thực hiện theo Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

5. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh chủ động cung cấp thông tin, phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 để triển khai thực hiện.

6. Kinh phí thực hiện quy hoạch

Kinh phí thực hiện quy hoạch từ nguồn vốn huy động theo hình thức xã hội hóa (PPP, BOT, BOO...), các nguồn vốn hợp pháp khác và hỗ trợ của Nhà nước từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra; Vụ trưởng các Vụ; Vụ trưởng - Trưởng Ban Quản lý đầu tư các dự án đối tác công - tư; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng giám đốc Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh; Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin, Giám đốc Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch - Đầu tư, Quốc Phòng, Công an, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên - Môi trường;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng (để chỉ đạo);
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHĐT (08).



Đinh La Thăng

**PHỤ LỤC QUY HOẠCH HỆ THỐNG TRẠM DỪNG NGHỈ DỌC THEO
TUYẾN CHÍNH DỰ ÁN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 594/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 4 năm 2014 của

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

| TT | Tên trạm và vị trí dự kiến | Quy mô giai đoạn I (ha) | Quy mô giai đoạn II (ha) | Mức đầu tư giai đoạn I (tỷ đồng) | Mức đầu tư giai đoạn II (tỷ đồng) | Địa phận |
|------------|--|-------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-------------|
| I | Đoạn Pắc Bó - Chợ Mới | | | | | |
| 1 | Trạm Hà Quảng (ngã ba Đôn Chương) | 1 | 3 | 20 | 50 | Cao Bằng |
| 2 | Trạm Khau Đồn (giao QL3, QL34) | 1 | 3 | 20 | 50 | Cao Bằng |
| 3 | Trạm Ngân Sơn (xã Đức Vân) | 1 | 3 | 20 | 50 | Bắc Kạn |
| 4 | Trạm Phú Thông (xã Tân Tiên) | 3 | 5 | 50 | 90 | Bắc Kạn |
| 5 | Trạm Chợ Mới (xã Nông Hạ - TT Sáu Hai) | 3 | 5 | 50 | 90 | Bắc Kạn |
| II | Đoạn Chợ Mới - Cổ Tiết | | | | | |
| 6 | Trạm Bình Ca (giao đường Hồ Chí Minh với QL2) | 3 | 5 | 50 | 90 | Tuyên Quang |
| 7 | Trạm Phú Thọ (giao đường Hồ Chí Minh và cao tốc Nội Bài-Lào Cai) | 3 | 5 | 50 | 90 | Phú Thọ |
| III | Đoạn Cổ Tiết - Chợ Bến | | | | | |
| 8 | Trạm Sơn Tây | 3 | 10 | 50 | 160 | Hà Nội |
| 9 | Trạm Xuân Mai (giao đường Hồ Chí Minh và QL6) | 3 | 10 | 50 | 160 | Hà Nội |
| IV | Đoạn Chợ Bến-Thạch Quảng | | | | | |
| 10 | Trạm Yên Thủy (xã Lạc Thịnh) | 1 | 3 | 20 | 50 | Hòa Bình |
| V | Đoạn Thạch Quảng - Yên Cát | | | | | |
| 11 | Trạm Thạch Quảng (bố trí 2 bên tuyến) | 3 | 10 | 50 | 160 | Thanh Hóa |
| 12 | Trạm Lam Kinh (xã Kiên Thọ và Thọ Xương) | 3 | 5 | 50 | 90 | Thanh Hóa |
| VI | Đoạn Yên Cát - Tân Kỳ | | | | | |
| 13 | Trạm Bãi Trành (giao với đường ngang Nghi Sơn - Bãi Trành) | 3 | 10 | 50 | 160 | Thanh Hóa |
| 14 | Trạm Thái Hòa (giao | 3 | 10 | 50 | 160 | Nghệ An |

| TT | Tên trạm và vị trí dự kiến | Quy mô giai đoạn I (ha) | Quy mô giai đoạn II (ha) | Mức đầu tư giai đoạn I (tỷ đồng) | Mức đầu tư giai đoạn II (tỷ đồng) | Địa phận |
|-------------|---|-------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------|
| | QL46) | | | | | |
| 15 | Trạm Tân Kỳ (xã Kỳ Tân) | 1 | 3 | 20 | 50 | Nghệ An |
| VII | Đoạn Tân Kỳ - Yên Lộc | | | | | |
| 16 | Trạm Tri Lễ (huyện Anh Sơn) | 1 | 3 | 20 | 50 | Nghệ An |
| 17 | Trạm Thanh Thủy (giao đường về quê Bác) | 3 | 5 | 50 | 90 | Nghệ An |
| 18 | Trạm Đồng Lộc (gần khu di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc) | 3 | 5 | 50 | 90 | Hà Tĩnh |
| VIII | Đoạn Yên Lộc - Bùng | | | | | |
| 19 | Trạm Kỳ Anh | 3 | 5 | 50 | 90 | Hà Tĩnh |
| 20 | Trạm Phong Nha (gần danh lam thắng cảnh và đường ngang nối với nhánh Tây) | 3 | 10 | 50 | 160 | Quảng Bình |
| IX | Đoạn Bùng - Cam Lộ | | | | | |
| 21 | Trạm Cộn (đường vào Đồng Hới) | 1 | 3 | 20 | 50 | Quảng Bình |
| 22 | Trạm Khe Ve (nhánh Tây, giao QL12A) | 3 | 5 | 50 | 90 | Quảng Bình |
| 23 | Trạm Bến Tắt (gần nghĩa trang Trường Sơn) | 1 | 3 | 20 | 50 | Quảng Trị |
| 24 | Trạm Cam Lộ (giao QL9) | 1 | 3 | 20 | 50 | Quảng Trị |
| X | Đoạn Cam Lộ - Túy Loan | | | | | |
| 25 | Trạm Tuấn (gần di tích lịch sử văn hóa Huế) | 3 | 10 | 50 | 160 | Huế |
| 26 | Trạm La Sơn | 1 | 3 | 20 | 50 | Huế |
| 27 | Trạm Mũi Trâu | 3 | 10 | 50 | 160 | Đà Nẵng |
| 28 | Trạm Túy Loan (giao QL14B, đầu tuyến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) | 3 | 10 | 50 | 160 | Đà Nẵng |
| XI | Đoạn Túy Loan - Thạnh Mỹ | | | | | |
| 29 | Trạm Thạnh Mỹ (giao nhánh Tây) | 3 | 5 | 50 | 90 | Quảng Nam |
| XII | Đoạn Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi | | | | | |
| 30 | Trạm Khâm Đức (giao QL14E) | 3 | 5 | 50 | 90 | Quảng Nam |
| 31 | Trạm Đắc Man (Đắc Glei) | 1 | 3 | 20 | 50 | Kon Tum |
| 32 | Trạm Đắc Môn (Đắc Glei) | 1 | 3 | 20 | 50 | Kon Tum |
| XIII | Đoạn Ngọc Hồi - PleiKu | | | | | |
| 33 | Trạm Tân Cảnh (Đắc Tô) | 3 | 5 | 50 | 90 | Kon Tum |

| TT | Tên trạm và vị trí dự kiến | Quy mô giai đoạn I (ha) | Quy mô giai đoạn II (ha) | Mức đầu tư giai đoạn I (tỷ đồng) | Mức đầu tư giai đoạn II (tỷ đồng) | Địa phận |
|--------------|---|-------------------------|--------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------|
| 34 | Trạm Đăk Uy (Đăk Hà) | 3 | 5 | 50 | 90 | Kon Tum |
| 35 | Trạm Đồi Sao Mai (Kon Tum) | 3 | 5 | 50 | 90 | Kon Tum |
| 36 | Trạm Tây bắc PleiKu (giao QL19) | 3 | 10 | 50 | 160 | Gia Lai |
| XIV | Đoạn PleiKu-Buôn Ma Thuật | | | | | |
| 37 | Trạm Chư Sê (giao QL25) | 3 | 5 | 50 | 90 | Gia Lai |
| 38 | Trạm Ea H'leo | 1 | 3 | 20 | 50 | Đăk Lăk |
| 39 | Trạm Buôn Hồ | 1 | 3 | 20 | 50 | Đăk Lăk |
| 40 | Trạm Buôn Ma Thuật | 3 | 10 | 50 | 160 | Đăk Lăk |
| XV | Đoạn BMT – Chơn Thành | | | | | |
| 41 | Trạm EaTling (huyện Cư Jút) | 2 | 3 | 20 | 50 | Đăk Nông |
| 42 | Trạm Đăk Min (giao QL14C) | 1 | 3 | 20 | 50 | Đăk Nông |
| 43 | Trạm Đăk Song (xã Trường Xuân) | 3 | 10 | 50 | 160 | Đăk Nông |
| 44 | Trạm Rạng Đông (xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng) | 3 | 5 | 50 | 90 | Bình Phước |
| 45 | Trạm Đồng Xoài | 3 | 10 | 50 | 160 | Bình Phước |
| XVI | Đoạn Chơn Thành – Mỹ An | | | | | |
| 46 | Trạm Chơn Thành | 3 | 10 | 50 | 160 | Bình Phước |
| 47 | Trạm Trảng Bàng | 3 | 10 | 50 | 160 | Tây Ninh |
| 48 | Trạm Đức Hòa | 3 | 5 | 50 | 90 | Long An |
| 49 | Trạm Thạnh Hóa (giao QL62) | 1 | 3 | 20 | 50 | Long An |
| 50 | Trạm Mỹ An | 1 | 3 | 20 | 50 | Đồng Tháp |
| XVII | Đoạn Mỹ An – Rạch Sỏi | | | | | |
| 51 | Trạm Lấp Vò | 1 | 3 | 20 | 50 | Đồng Tháp |
| 52 | Trạm Tân Hiệp | 3 | 5 | 50 | 90 | Kiên Giang |
| XVIII | Đoạn Rạch Sỏi – Đất Mũi | | | | | |
| 53 | Trạm Gò Quao | 1 | 3 | 20 | 50 | Kiên Giang |
| 54 | Trạm Vĩnh Thuận (giao QL63) | 1 | 3 | 20 | 50 | Kiên Giang |
| 55 | Trạm phía bắc Cà Mau | 3 | 10 | 50 | 160 | Cà Mau |
| 56 | Trạm Năm Căn | 1 | 3 | 20 | 50 | Cà Mau |
| 57 | Trạm Đất Mũi | 3 | 10 | 50 | 160 | Cà Mau |
| | TỔNG CỘNG (57 trạm) | 128 | 326 | 2.340 | 5.790 | |